

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CTKHH-TTHT
V/v chính sách thuế NTNN và
Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Khánh Hòa, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Du lịch Crystal Bay
Địa chỉ: Tòa nhà số 1, Công viên bên du thuyền Quốc tế, đường Nguyễn Cơ Thạch,
P. Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa (MST: 4201696659)

Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa (*Cục Thuế*) nhận được văn bản số 124/2023/TT-CBG ghi ngày 12/4/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Du lịch Crystal Bay (*Công ty CBG*) đề nghị hướng dẫn chính sách thuế nhà thầu nước ngoài (*NTNN*) và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam-Kazakhtan. Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Nghĩa vụ thuế của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam đối với thu nhập từ vận tải quốc tế

Tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính (*Thông tư số 103/2014/TT-BTC*) hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định đối tượng áp dụng như sau:

“Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu...”

Tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính (*Thông tư số 205/2013/TT-BTC*) hướng dẫn thực hiện các hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam quy định:

“Điều 13. Xác định đối tượng thực hưởng Hiệp định đối với thu nhập từ vận tải quốc tế

Tùy theo từng Hiệp định, doanh nghiệp của Nước ký kết thực hiện hoạt động vận tải quốc tế được xác định theo các tiêu thức sau:

1. Doanh nghiệp do đối tượng cư trú của Việt Nam hoặc của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam điều hành; hoặc

2. Doanh nghiệp có trụ sở điều hành thực tế tại Việt Nam hoặc tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam;

với điều kiện doanh nghiệp đó sở hữu hoặc có quyền sử dụng toàn bộ ít nhất một phương tiện vận tải và sử dụng phương tiện này vào việc vận tải hành khách

và/hoặc hàng hóa trong hành trình vận tải quốc tế (được gọi là phương tiện vận tải do doanh nghiệp điều hành trực tiếp).

Điều 14. Xác định thu nhập từ vận tải quốc tế

Tuỳ theo quy định tại từng Hiệp định, thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế của các đối tượng nêu tại Điều 13 sẽ được miễn hoặc giảm thuế tại Việt Nam hoặc tại Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam.

Phạm vi áp dụng miễn, giảm thuế tại Việt Nam đối với doanh nghiệp của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam bao gồm:

1. Thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế bằng phương tiện vận tải do doanh nghiệp điều hành trực tiếp và từ các hoạt động phụ trợ đi liền với hoạt động vận tải quốc tế này, cụ thể:

1.1. Doanh thu từ hoạt động vận tải quốc tế bằng phương tiện vận tải do chính doanh nghiệp điều hành trực tiếp và xuất chứng từ vận tải (xuất vé, vận đơn hoặc bản lược khai (manifest) vận chuyển hành khách và hàng hoá).

1.2. Doanh thu từ việc cho thuê một phần phương tiện vận tải (còn gọi là cho thuê chỗ) hoặc cho thuê toàn bộ phương tiện vận tải theo từng chuyến do chính doanh nghiệp điều hành trực tiếp.

...

Trường hợp Hiệp định (như Hiệp định với Băng-la-đét, Phi-líp-pin và Thái Lan) quy định chỉ giảm thuế thu nhập theo một tỷ lệ nhất định thì doanh nghiệp phải nộp thuế thu nhập đối với thu nhập từ vận tải quốc tế theo phần tỷ lệ không được giảm.

Các quy định về thuế đối với thu nhập từ vận tải quốc tế như trên được nêu tại Điều khoản Vận tải quốc tế (thường là Điều 8) của Hiệp định.”

Tại điểm b.2 khoản 1 Điều 62 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định:

“Điều 62. Thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Hiệp định thuế)

1. Đối với nhà thầu nước ngoài:

...

b.2) Đối với hãng hàng không nước ngoài:

b.2.1) Trong thời hạn 15 ngày trước khi khai thác thị trường bay hoặc trước kỳ tính thuế đầu tiên của năm (tùy theo thời điểm nào diễn ra trước), văn phòng tại Việt Nam của hãng Hàng không nước ngoài gửi cho cơ quan thuế hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế. Hồ sơ gồm:

b.2.1.1) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này;

b.2.1.2) Bản gốc (hoặc bản sao đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước cư trú cấp ngay trước năm thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế đã được hợp pháp hoá lãnh sự;

b.2.1.3) Bản sao giấy phép khai thác thị trường Việt Nam (phép bay) của Cục hàng không dân dụng cấp theo quy định của Luật Hàng không dân dụng có xác nhận của người nộp thuế;

b.2.1.4) Giấy ủy quyền trong trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thuế.

b.2.2) Trường hợp năm trước đó đã có hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế thì các năm tiếp theo chỉ cần gửi các bản sao giấy phép khai thác thị trường Việt Nam (phép bay) của Cục hàng không dân dụng mới có xác nhận của người nộp thuế (nếu có).

b.2.3) Trong thời hạn 15 ngày trước khi kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam hoặc trước khi kết thúc năm tính thuế (tùy theo thời điểm nào diễn ra trước) văn phòng tại Việt Nam của hãng Hàng không nước ngoài gửi Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hoá lãnh sự của năm tính thuế đó và Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp bán vé tại thị trường Việt Nam theo mẫu số 01-1/HKNN, Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp hoán đổi, chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế theo mẫu số 01-2/HKNN của năm tính thuế liên quan cho cơ quan thuế làm căn cứ áp dụng miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động vận tải quốc tế của hãng Hàng không nước ngoài.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty CBG có ký hợp đồng mua dịch vụ vận tải quốc tế với hãng hàng không Kazakhstan - SCAT thì thu nhập từ dịch vụ trên của hãng hàng không Kazakhstan - SCAT thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên.

Hãng hàng không Kazakhstan – SCAT căn cứ quy định tại Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ nước Cộng hòa Ca-Dắc-Xtan và Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; Điều 13, Điều 14 Thông tư số 205/2013/TT-BTC; điểm b.2 khoản 1 Điều 62 Thông tư số 80/2021/TT-BTC để xác định điều kiện, thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

2. Về thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hợp đồng hợp tác bán tour du lịch với các đại lý du lịch Kazakhstan:

Tại Điều 3 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (*thông tư 219/2013/TT-BTC*) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT quy định:

“Điều 3. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu) bao gồm: ...”

Tại điểm b khoản 1 Điều 9, Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định như sau:

“Điều 9. Thuế suất 0%

...

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ. Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí.

Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ là người nộp thuế tại Việt Nam phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam.

...

Điều 11. Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này...

Căn cứ quy định trên và hợp đồng hợp tác bán tour du dịch giữa Công ty CBG với các đại lý du lịch Kazakhstan, trường hợp Công ty CBG là đơn vị tạo ra sản phẩm du lịch, đại lý du lịch Kazakhstan là đơn vị tiếp thị và quảng cáo dịch vụ của Công ty CBG trên lãnh thổ nước Cộng hòa Kazakhtan theo thỏa thuận và nhận thù lao từ việc thực hiện dịch vụ này thì Công ty CBG phải xuất hóa đơn, kê khai nộp thuế GTGT tại Việt Nam cho khách đã mua tour tại các đại lý du lịch Kazakhstan theo quy định tại Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 9, Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên.

Vậy Cục Thuế đề nghị Công ty CBG thực hiện rà soát tình hình hoạt động của doanh nghiệp và nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã được trích dẫn nêu trên để thực hiện đúng quy định. Nếu có vướng mắc, Công ty CBG liên hệ Phòng Tuyên truyền hỗ trợ Người nộp thuế để được giải đáp, số điện thoại: 0258-3822028, 0258-3815073./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng: NVDTPC, KK, KTNB, TTKT 1,2,3,4;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (dltrang-2b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Kim Thái Linh